

My name is: _____

WORKSHEET

FFs1 – Unit 3.6

Teacher's feedback

Task 1: Uncramble the letters and write. (Con sắp xếp chữ cái và viết từ nhé.)

1.



e e y

2.



a e r

3.



o e n s

4.



m a r

5.



c f a e

6.



i h r a

7.



u t o h m

8.



n a h d

9.



h e t e t

10.



o t f o

Task 2. Change the words into plural forms. (Con chuyển các từ sau sang hình thức số nhiều nhé.)

1. Apple → Apples

11. Ant →

2. Book →

12. Bag →

3. Ball →

13. Ear →

4. Pencil →

14. Leg →

5. Dog →

15. Pen →

6. Car →

16. Fan →

7. Eye →

17. Bag →

8. Nose →

18. Arm →

9. Cat →

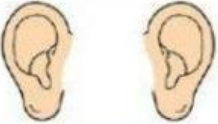
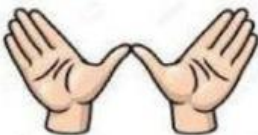
19. Cake →

10. Box →

20. Bus →

Task 3. Look and write “This is/These are”.

(Con và viết “This is/These are” nhé.)

	1. my head.
	2. my ears.
	3. my hair.
	4. my teeth.
	5. my eyes.
	6. my nose.
	7. my hands.
	8. my mouth.
	9. my chin.
	10. my legs.
	11. my cheeks.